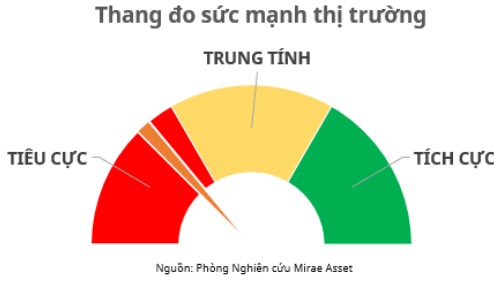


29 Tháng Tư 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)



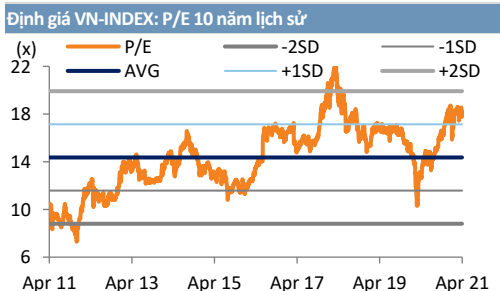
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,239.39	-0.73	4.02	61.15
HNX	281.75	-0.66	-1.71	163.72
UPCOM	80.68	0.34	-0.90	54.49
MSCI EM	1,364.96	0.88	3.69	48.42
NIKKEI	29,053.97	0.11	-0.43	46.95
HANG SENG	29,303.26	0.77	3.26	18.91
KOSPI	3,174.07	-0.38	3.68	62.98
FTSE	7,005.95	0.97	4.35	14.57
S&P 500	4,183.18	0.07	5.29	42.31
NASDAQ	14,051.03	0.24	6.07	57.62

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.10	2.54	14.19
SET INDEX	39.39	1.73	4.37
JCI INDEX	25.78	1.53	4.61
PCOMP INDEX	27.61	1.59	5.97

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.18	1	8	-113
10 năm	2.36	2	-4	-64

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,053	0.03	0.05	1.11
US\$/KRW	1,108	0.84	2.12	9.94
US\$/JPY	109	-1.06	1.54	-2.16
US\$/EUR	0.83	-0.15	-3.18	-10.24
US\$/GBP	0.72	-0.57	-1.23	-10.64
US\$/SGD	1.33	0.05	1.40	6.47

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	612	702	381
HNX	74	121	50
UPCOM	19	44	24



## Nhận định thị trường

### Nhóm vốn hóa lớn tăng mạnh, VN-Index phục hồi tốt sau phiên giảm sốc đầu tuần

Tiếp nối 2 phiên tăng điểm khá tốt vừa qua, VN-Index tiếp tục duy trì sắc xanh trong suốt phiên giao dịch hôm nay. Đáng chú ý, dòng tiền đổ mạnh vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và nhóm VN-30 tiếp tục đóng vai trò trụ cột giữ cho đà tăng của VN-Index được duy trì. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa tại 1.239,3 điểm, tăng 9,8 điểm, tương ứng +0,8% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 19.300 tỷ đồng, HNX: 2.397 tỷ đồng, UPCOM: 620 tỷ đồng.

Đáng chú nhất nhất ngày hôm nay là VPB với mức tăng sát trần (+6,4%) với thông tin FE Credit được bán 49% cho SMBC. Bên cạnh đó, các Blue-chip khác như CTG, HPG, NVL, REE, TCB là đầu tàu kéo VN-Index tăng điểm phiên hôm nay. Ở chiều ngược lại, VIC, VHM, VNM diễn biến trái chiều, đóng góp tiêu cực cho VN-Index.

Khối ngoại quay đầu bán ròng phiên hôm nay với giá trị hơn 350 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm mạnh khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index được cải thiện nhẹ, tuy nhiên vẫn ở mức tiêu cực. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đang ở mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**Thị trường trái phiếu:**

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 7.142 tỷ đồng TPCP, đạt tỷ lệ 81,6%, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu đã giảm về mức 2,4 lần từ mức 4,2 lần của tuần trước. Kỳ hạn 5 năm thành công 669/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,16% (+2bps); kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 3.900/ 4.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,36% (+2bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.823/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,56% (+1bps) và toàn bộ 500 tỷ đồng phát hành lần đầu cùng với 250 tỷ đồng phát hành bổ sung của kỳ hạn 30 năm đã được phát hành thành công tại mức lợi suất 3,05% (+0bps). Ngày 05/05 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 4.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

**Thị trường tiền tệ:**

- **Lãi suất liên ngân hàng:** trong tuần 20 – 27/04, lãi suất liên ngân hàng đã tăng mạnh trên tất cả các kỳ hạn. Cụ thể kỳ hạn O/N tăng 61bps lên 1,05%, kỳ hạn 1 tuần tăng 92bps lên mức 1,53%, kỳ hạn 2 tuần tăng 43 bps lên mức 1,2%, kỳ hạn 1 tháng tăng 61bps lên 1,33%, kỳ hạn 3 tháng tăng 35 bps lên 1,6% và kỳ hạn 6 tháng tăng 24bps lên 2,68%
- **Tỷ giá VND/USD** tại ngày 23/04/21 của NHNN đã giảm 0,108% về mức 23.158 VND/USD. Tương tự tỷ giá NHTM đã giảm 0,109% ở cả chiều mua và bán về mức 22.930 – 23.140 VND/USD. Trong khi đó tỷ giá tự do giảm 0,42% giữ nguyên mức mức 23.630 – 23.780.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (29/04/2021)	Kháng cự 1	<b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.350</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.150</b>

Sau phiên giảm sốc đầu tuần, chạm mốc kháng cự mạnh 1.200 điểm, VN-Index đã có 3 phiên tăng liên tục và phục hồi phần lớn số điểm đã mất, thấp hơn mốc đóng cửa thứ 6 tuần trước 9 điểm(-0,7% WoW).

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



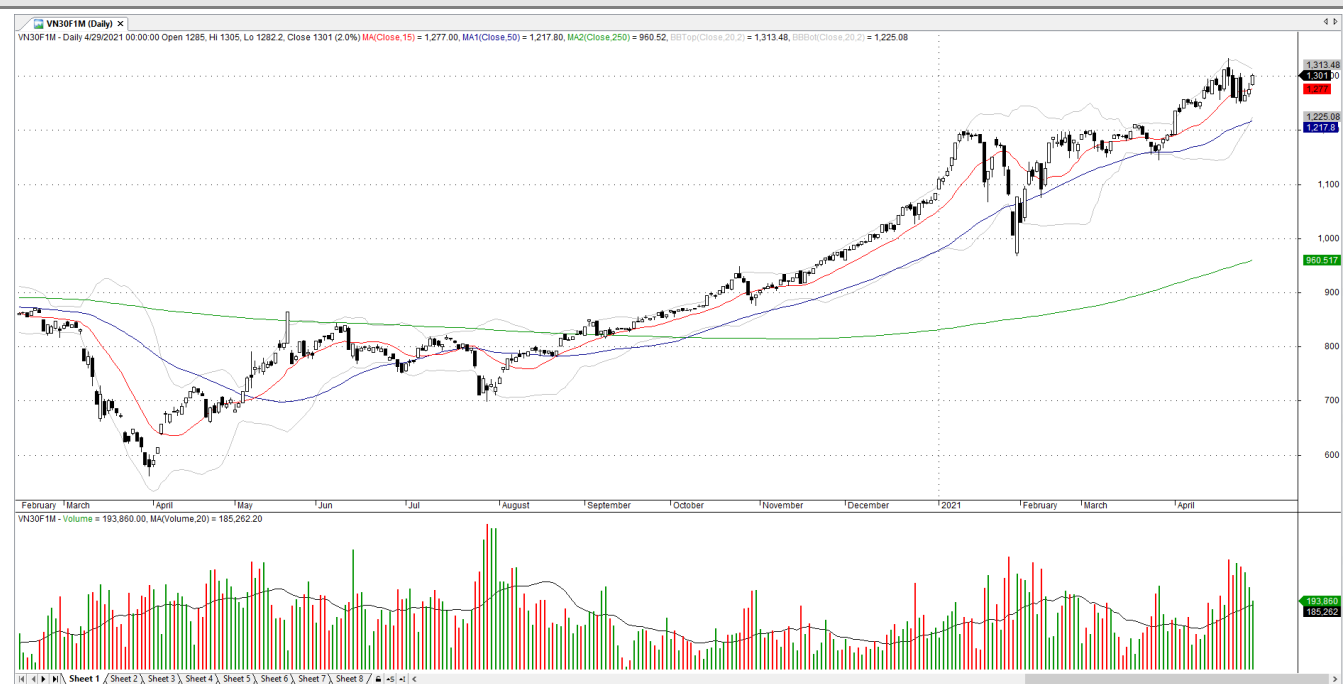
Nguồn: Vietstock

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (29/04/2021)	1.301	Kháng cự 1 <b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 <b>1.350</b>
VN30 – đóng cửa	1.312,2	Hỗ trợ 1 <b>1.200</b>
Chênh lệch VN30F1M & VN30	<b>-11.8</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.150</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	+3	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

Giao dịch của VN30F1M ở vùng giá xanh trong ngày, tăng mạnh vào phiên giao dịch chiều với đà giao dịch của nhóm VN30 và đóng phiên với +26 điểm tăng cuối ngày.

## Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.45	4,886,615	-2	TRUNG TÍNH	3,648	11.9	1.0
ACB	34.65	8,107,200	3	TRUNG TÍNH	74,898	8.7	2.0
AMD	7	11,610,885	-2	TRUNG TÍNH	1,145	45.1	0.6
ART	8.3	7,807,805	-4	TIÊU CỰC	804	30.8	0.7
ASM	14.3	2,498,340	-4	TIÊU CỰC	3,702	7.6	0.8
BID	41	3,596,050	-4	TIÊU CỰC	164,903	23.6	2.2
BSR	14.7	12,615,000	-4	TIÊU CỰC	45,577	#N/A N/A	1.5
BVH	57.3	1,053,740	-6	TIÊU CỰC	42,535	27.5	2.1
CEO	10.4	6,478,815	-2	TRUNG TÍNH	2,676	#N/A N/A	0.9
CII	20.3	2,571,075	-4	TIÊU CỰC	4,848	19.7	1.0
CTD	64.2	642,340	-2	TRUNG TÍNH	4,769	15.4	0.6
CTG	40.8	15,334,565	-4	TIÊU CỰC	151,915	11.1	1.8
CTR	84.5	469,630	-2	TRUNG TÍNH	6,066	21.7	5.7
DBC	53.7	1,765,215	-4	TIÊU CỰC	5,626	3.9	1.2
DCM	16	3,030,780	-4	TIÊU CỰC	8,470	14.3	1.3
DGC	69.8	568,505	2	TRUNG TÍNH	10,384	11.0	2.5
DGW	111.5	277,550	-4	TIÊU CỰC	4,795	17.9	4.1
DIG	26.75	3,662,830	-6	TIÊU CỰC	9,277	12.8	2.0
DLG	3.22	14,475,040	-6	TIÊU CỰC	964	#N/A N/A	0.4
DRC	26.35	1,303,685	-6	TIÊU CỰC	3,130	11.1	1.8
DXG	23.45	7,667,245	-2	TRUNG TÍNH	12,154	#N/A N/A	1.8
EIB	27.45	1,539,475	0	TRUNG TÍNH	33,748	31.5	2.0
FIT	10.65	4,574,820	-2	TRUNG TÍNH	2,713	48.1	0.9
FLC	11.05	34,301,928	-6	TIÊU CỰC	7,845	49.0	0.8
FPT	80.9	2,263,585	0	TRUNG TÍNH	63,839	17.1	3.8
FRT	27	1,585,445	-4	TIÊU CỰC	2,133	86.3	1.8
GAS	83.5	918,950	-2	TRUNG TÍNH	159,815	21.2	3.2
GEX	26.6	7,078,380	-2	TRUNG TÍNH	12,987	15.7	1.9
GMD	34.2	2,456,460	-2	TRUNG TÍNH	10,307	29.8	1.7
GVR	25.75	3,063,275	0	TRUNG TÍNH	103,000	27.3	2.2
HAG	5.44	12,274,990	-4	TIÊU CỰC	5,045	#N/A N/A	1.0
HAI	5.2	7,916,470	-4	TIÊU CỰC	950	117.1	0.5
HBC	15.9	5,755,460	-4	TIÊU CỰC	3,671	42.5	1.0
HCM	30.7	4,154,805	-4	TIÊU CỰC	9,365	12.5	2.0
HDB	27.25	4,654,365	-2	TRUNG TÍNH	43,430	8.8	1.8
HDG	38.8	945,500	-2	TRUNG TÍNH	5,986	6.3	2.0
HHS	6.83	5,836,205	-6	TIÊU CỰC	1,877	6.9	0.5
HNG	11.5	14,389,005	-6	TIÊU CỰC	12,748	590.4	1.5
HPG	58.1	24,156,670	3	TRUNG TÍNH	192,502	10.6	2.9
HPX	33.7	998,210	0	TRUNG TÍNH	8,913	103.8	2.8
HQC	3.88	25,729,236	-6	TIÊU CỰC	1,849	192.7	0.4
HSG	31.75	10,093,740	4	KHẢ QUAN	14,117	6.0	1.8
HUT	6.1	7,125,035	-4	TIÊU CỰC	1,639	#N/A N/A	0.6
HVN	29	1,070,535	-4	TIÊU CỰC	41,130	#N/A N/A	6.5
IDC	33.5	3,419,425	-2	TRUNG TÍNH	10,050	33.0	2.8
IJC	26.35	3,003,670	-2	TRUNG TÍNH	5,721	8.6	1.7
ITA	7.26	21,233,776	-4	TIÊU CỰC	6,812	38.7	0.6
KBC	37.45	4,978,365	-4	TIÊU CỰC	17,593	22.9	1.8
KDC	51.2	1,095,260	-6	TIÊU CỰC	11,712	38.1	2.0
KDH	35.35	3,489,840	7	KHẢ QUAN	19,642	17.2	2.4
KLF	5.5	13,685,385	-5	TIÊU CỰC	909	#N/A N/A	0.5
KSB	28.5	1,422,865	0	TRUNG TÍNH	1,899	7.5	1.2

LCG	13.45	2,818,085	-2	TRUNG TÍNH	1,550	5.0	0.9
LDG	7.59	9,452,555	-4	TIÊU CỰC	1,817	165.0	0.6
LPB	21.5	14,480,075	7	KHẢ QUAN	23,105	12.4	1.6
MBB	30.35	18,405,750	-2	TRUNG TÍNH	84,942	8.4	1.7
MBS	23.4	2,041,000	-6	TIÊU CỰC	3,845	11.2	1.8
MSN	98	3,040,725	-2	TRUNG TÍNH	115,119	93.0	7.2
MWG	140.9	1,039,120	0	TRUNG TÍNH	66,988	16.3	4.1
NKG	26	4,455,250	-2	TRUNG TÍNH	4,472	7.8	1.3
NLG	36.3	1,759,350	7	KHẢ QUAN	10,355	9.1	1.6
NVB	16.9	5,754,850	-6	TIÊU CỰC	6,875	5,672.5	1.6
NVL	131.4	3,031,630	7	KHẢ QUAN	141,217	33.0	5.1
PDR	70.2	3,757,465	0	TRUNG TÍNH	34,171	26.0	6.4
PET	20	1,811,100	-4	TIÊU CỰC	1,671	10.9	1.1
PHR	53.3	585,885	-2	TRUNG TÍNH	7,222	7.5	2.3
PLX	50.3	1,339,645	-2	TRUNG TÍNH	62,564	69.6	2.9
PNJ	98	709,635	7	KHẢ QUAN	22,282	19.7	3.9
POW	12.3	15,533,770	-4	TIÊU CỰC	28,805	12.2	1.0
PVD	19.15	5,891,465	-4	TIÊU CỰC	8,065	47.0	0.6
PVS	20.1	9,591,195	-4	TIÊU CỰC	9,607	15.4	0.8
PVT	16.2	3,131,165	-4	TIÊU CỰC	5,243	7.1	1.0
ROS	6.44	40,897,944	-5	TIÊU CỰC	3,655	6,114.0	0.6
S99	24.3	1,758,335	2	TRUNG TÍNH	1,274	7.0	1.6
SBT	20	2,872,470	-6	TIÊU CỰC	12,343	21.1	1.6
SCR	8.3	6,588,300	-6	TIÊU CỰC	3,041	16.1	0.7
SHB	27.4	22,317,984	-2	TRUNG TÍNH	47,964	17.4	2.0
SHS	27.4	10,091,450	-6	TIÊU CỰC	5,679	5.8	1.5
SSI	32.6	14,155,915	-4	TIÊU CỰC	21,055	15.6	2.0
STB	23.9	41,475,880	6	KHẢ QUAN	43,107	16.1	1.5
TCB	41	11,181,550	-2	TRUNG TÍNH	143,701	10.1	1.8
TCH	21.7	8,441,640	-4	TIÊU CỰC	8,125	8.4	1.6
TIG	13.9	2,432,730	0	TRUNG TÍNH	1,264	17.4	1.2
TLH	15.35	2,553,040	-2	TRUNG TÍNH	1,545	20.3	1.0
TNG	21.3	2,195,550	-4	TIÊU CỰC	1,694	11.3	1.4
TPB	27.4	5,140,465	-6	TIÊU CỰC	28,267	7.2	1.6
TSC	10.7	3,098,300	5	KHẢ QUAN	1,580	93.9	1.0
TTF	7.65	8,090,950	0	TRUNG TÍNH	2,381	67.6	#N/A N/A
VCB	100	2,288,755	-4	TIÊU CỰC	370,888	20.1	3.9
VCI	62.1	1,366,095	0	TRUNG TÍNH	10,284	10.9	2.1
VHM	99.3	5,483,785	-7	TIÊU CỰC	326,649	12.6	3.6
VIB	55.6	938,185	5	KHẢ QUAN	61,682	13.3	3.4
VIC	131	2,712,065	-7	TIÊU CỰC	443,098	77.6	5.4
VIX	34.1	7,617,390	4	KHẢ QUAN	4,355	6.5	2.1
VJC	124.9	541,790	-7	TIÊU CỰC	65,427	945.6	4.4
VND	36.2	7,111,610	-2	TRUNG TÍNH	7,765	6.7	1.7
VNM	93.5	4,202,215	-7	TIÊU CỰC	195,411	20.0	6.2
VPB	58.5	10,973,075	7	KHẢ QUAN	143,603	12.6	2.6
VPI	36.35	1,099,555	0	TRUNG TÍNH	7,270	24.2	2.6
VRE	32	7,247,820	-4	TIÊU CỰC	72,714	27.2	2.4

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### **Dầu tăng hơn 1% nhờ hy vọng về nhu cầu nhiên liệu**

Giá dầu tăng hơn 1% vào ngày thứ Tư (28/4), sau khi dự trữ các sản phẩm chưng cất tại Mỹ giảm mạnh và hoạt động lọc dầu gia tăng, qua đó thúc đẩy hy vọng nhu cầu nhiên liệu khởi sắc. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Tư, hợp đồng dầu Brent tiến 85 xu (tương đương 1.28%) lên 67.27 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 92 xu (tương đương 1.46%) lên 63.86 USD/thùng. Vào ngày thứ Tư, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết dự trữ dầu thô tại Mỹ đã tăng 90,000 thùng trong tuần trước lên 493.1 triệu thùng, thấp hơn rất nhiều so với dự báo vọt 659,000 thùng từ các chuyên gia phân tích. Dự trữ các sản phẩm chưng cất tại Mỹ sụt 3.3 triệu thùng trong tuần trước, và công suất lọc dầu tăng lên 85.4% trong tuần qua.

### **TP HCM kiến nghị Trung ương ưu tiên vốn đầu tư dự án vành đai 3**

UBND TP HCM vừa có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải về triển khai đầu tư dự án đường vành đai 3, TP HCM, trong đó, kiến nghị ưu tiên vốn từ Trung ương để sớm triển khai dự án. Theo UBND TP HCM, tuyến đường vành đai 3 có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện phát triển dịch vụ vận tải liên vùng góp phần phát triển kinh tế - xã hội TP HCM và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đường vành đai 3 kết nối với cao tốc TP HCM-Mộc Bài; cao tốc TP HCM-Chơn Thành (dự kiến đầu tư theo hình thức PPP trong giai đoạn 2021-2025), việc chậm khép kín đường vành đai 3 sẽ giảm hiệu quả đầu tư và khó khăn trong kêu gọi đầu tư xây dựng các đường cao tốc này

### **KDH: Lãi quý I hơn 200 tỷ đồng, tăng 30% cùng kỳ**

Chiều nay (28/4), CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HoSE: KDH) tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. Bà Nguyễn Thùy Trang, Phó Tổng giám đốc cho biết năm 2020, Khang Điền ghi nhận doanh thu thuần 4.532 tỷ đồng, vượt 29% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế 1.152 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch. Đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu là kết quả bán hàng khả quan từ dự án Verosa Park và hoàn thành kế hoạch xây dựng, bàn giao vượt tiến độ Safira (TP HCM). Trong năm, công ty chủ yếu tập trung bán hàng chủ yếu 2 dự án là chung cư Lovera Vista, dự án nhà liên kế biệt thự Verosa Park (TP HCM). Công ty cũng tập trung bàn giao căn hộ dự án Safira trong 6 tháng cuối năm 2020, cấp sổ hồng dự án Jamila, Safira và Verosa Park (TP HCM).

### **PPC: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ gần 19%**

ông ty Nhiệt điện Phả Lại (HoSE: PPC) công bố quyết định HĐQT thông qua trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 18,94% (1 cổ phiếu được nhận 1.894 tỷ đồng). Ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 18/5 và ngày thanh toán là 3/6. Với 320,6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp nhiệt điện dự chi 607 tỷ đồng cho đợt chia cổ tức này. Là công ty mẹ nắm 51,9% vốn, Tổng công ty phát điện 2 (EVN Genco2) sẽ nhận về 315 tỷ đồng.

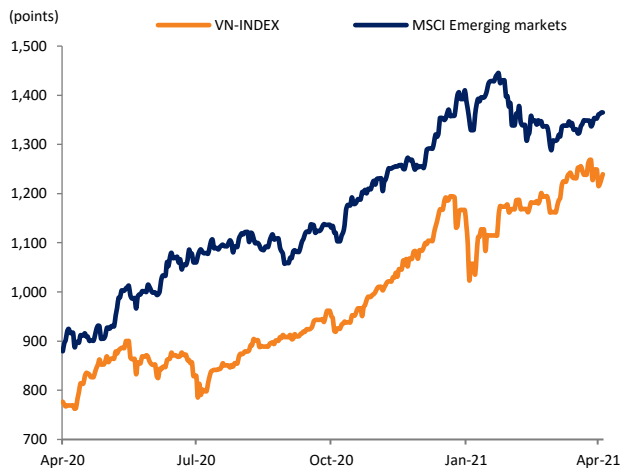
### **TVN: báo lãi quý I gấp 13,6 lần cùng kỳ**

Tổng Công ty Thép Việt Nam (UPCoM: TVN) đạt 9.445 tỷ đồng doanh thu thuần trong quý I, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn tăng 28% nên lợi nhuận gộp kỳ này tăng gần 50% và đạt 634 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính giảm lỗ khi doanh thu tăng trong khi chi phí giảm. Cộng với đó, khoản lãi từ các công ty liên doanh, liên kết hơn 173 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ gần 58 tỷ đồng. Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do thị trường thép tiếp tục đà tăng giá từ cuối năm 2020 làm lợi nhuận các công ty trong khối liên doanh, liên kết tăng mạnh. Thép Việt Nam hiện có 14 công ty con và 23 công ty liên kết.

### **VHM: Doanh thu quý 1/2021 gấp đôi cùng kỳ**

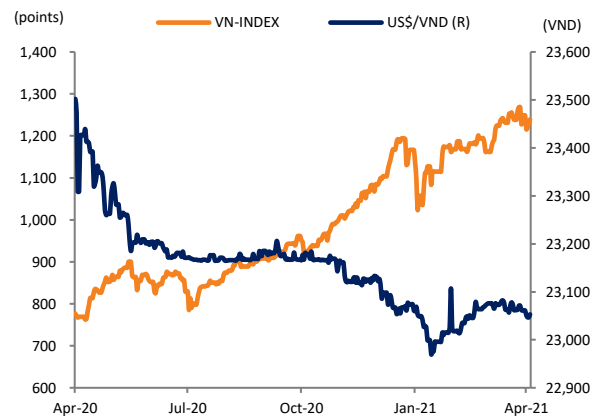
Theo báo cáo tài chính hợp nhất mới công bố, CTCP Vinhomes ghi nhận doanh thu thuần gần 12.99 ngàn tỷ đồng và lãi ròng gần 5.4 ngàn tỷ đồng trong quý 1/2021. Trong quý 1, VHM ghi nhận doanh thu thuần đạt gần 12.99 ngàn tỷ đồng, gấp gần 2 lần cùng kỳ năm trước. Nhờ vậy, lợi nhuận gộp của Công ty cũng tăng lên hơn gấp đôi cùng kỳ, đạt hơn 6.2 ngàn tỷ đồng. Công ty cho biết kết quả tăng trưởng này chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu bán lẻ và bán lô lớn bất động sản.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



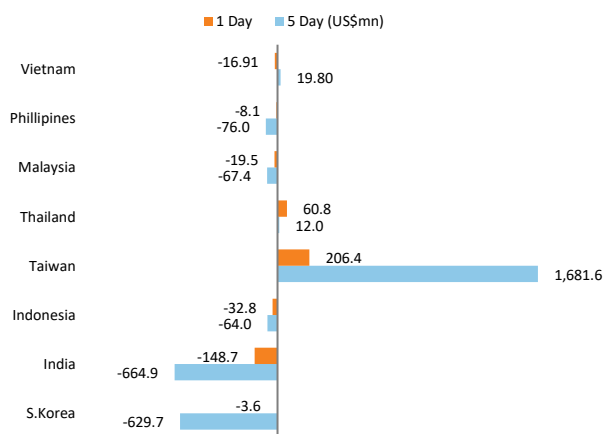
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



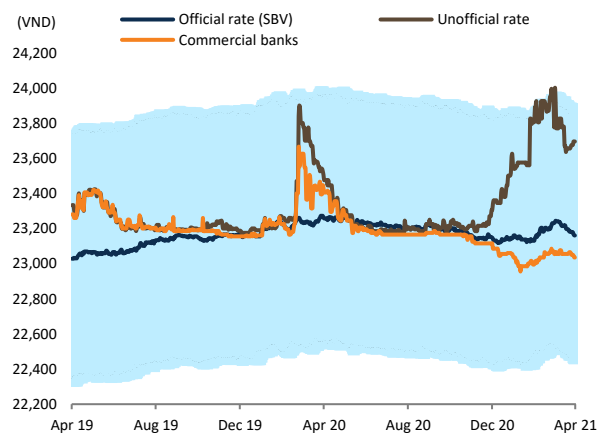
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



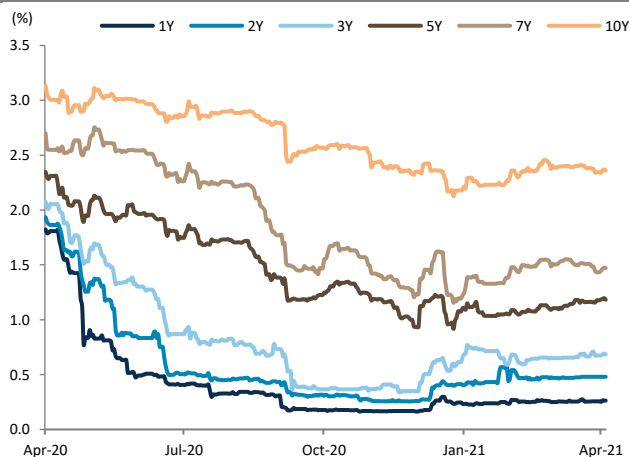
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



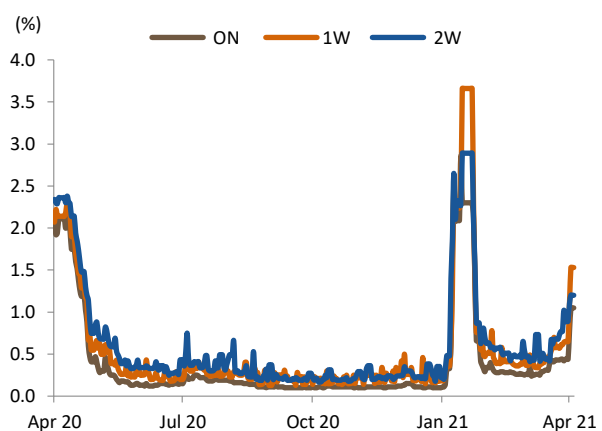
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,312.28</b>	<b>3,256,073</b>		<b>1.4</b>	<b>0.8</b>	<b>9.7</b>	<b>83.5</b>	<b>13.9</b>	<b>11.5</b>	<b>2.5</b>	<b>2.1</b>	<b>10.7</b>	<b>20.0</b>	<b>19.8</b>	<b>19.5</b>
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,000	164,903	16.8	1.0	-2.4	-4.5	15.2	16.7	11.7	1.8	1.5	70.1	41.8	11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,300	42,535	27.3	-0.2	-2.9	-3.9	24.0	24.7	20.9	2.0	1.9	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	40,800	151,915	26.1	2.6	-1.2	1.6	104.0	8.6	7.9	1.5	1.3	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	80,900	63,839	49.0	0.1	-2.5	4.1	83.1	16.1	13.6	3.5	3.0	22.0	18.8	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	83,500	159,815	2.6	2.0	-2.9	-6.9	31.7	15.7	15.0	3.0	2.8	32.1	4.3	19.5	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	27,250	43,430	17.1	1.5	1.3	3.2	117.7	8.0	6.7	1.6	1.4	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	58,100	192,502	30.1	3.8	3.0	24.1	224.3	9.7	8.9	2.4	2.2	55.5	8.8	28.0	24.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	35,150	19,642	32.2	0.9	-0.4	15.4	76.2	16.1	12.2	2.2	1.9	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	30,350	84,942	22.9	0.3	0.2	7.8	120.8	8.1	6.8	1.5	1.2	25.6	19.9	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	98,000	115,119	32.7	-1.0	-2.0	5.9	66.7	41.9	25.4	6.1	4.9	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	140,900	66,988	50.0	0.6	-4.5	8.6	72.5	13.4	10.7	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	131,400	141,217	7.6	2.7	22.8	63.2	149.8	32.9	25.5	4.3	3.6	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	70,200	34,171	3.0	-1.8	-0.1	26.5	289.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,300	62,564	16.2	0.6	-1.4	-8.7	24.8	17.3	15.4	2.7	2.6	323.9	12.6	16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	98,000	22,282	49.0	2.4	2.1	16.0	72.2	17.9	14.1	3.8	3.1	26.9	27.3	22.7	23.7
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,300	28,805	3.6	0.8	-2.4	-6.8	16.6	13.6	11.4	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,600	16,565	49.0	5.1	2.5	1.9	78.7	9.3	7.9	1.3	1.5	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,000	12,343	8.2	-2.2	-2.0	-10.7	45.5	17.2	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	32,600	21,055	46.0	1.6	-1.2	2.7	150.8	14.6	13.6	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	23,900	43,107	10.6	-1.2	6.5	11.4	162.6	16.5	9.9	1.4	1.3	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	41,000	143,701	22.5	2.6	1.2	1.5	138.4	9.7	8.4	1.6	1.4	20.1	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,700	8,125	11.0	-1.4	-2.7	-5.2	2.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	27,400	28,267	30.0	0.6	-2.1	-1.6	92.4	6.9	5.3	1.3	1.1	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	100,000	370,888	23.4	1.0	-3.8	5.5	47.1	17.3	14.1	3.1	2.7	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,300	326,649	22.5	-1.6	-5.4	2.1	56.1	10.7	8.9	2.8	2.2	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	131,000	443,098	14.6	-0.4	-5.3	11.1	42.5	60.7	52.0	4.8	4.3	27.6	16.7	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	124,900	65,427	19.2	-0.9	-3.6	-3.7	8.1	60.5	21.4	4.0	3.2	1,441.4	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	93,500	195,411	55.5	-0.2	-6.0	-5.0	13.3	18.1	16.5	5.7	5.2	8.3	9.4	34.7	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	58,500	143,603	23.2	6.4	14.7	31.0	185.4	11.8	9.9	2.2	1.8	16.4	18.5	20.6	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,000	72,714	30.5	1.6	-2.4	-2.1	38.5	25.4	20.1	2.3	2.1	20.1	26.8	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-9.14</b>	<b>4,611,366</b>	<b>0.8</b>	<b>-0.7</b>	<b>4.0</b>	<b>61.1</b>	<b>15.1</b>	<b>12.4</b>	<b>2.5</b>	<b>2.1</b>	<b>19.5</b>	<b>22.1</b>	<b>18.1</b>	<b>18.6</b>
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,156	-1.2	-0.2	-3.3	40.1	5.7	5.3	1.1	1.0	33.5	6.3	11.4	11.0
Ngân hàng	2.86	1,451,505	1.9	1.0	7.0	76.0	12.0	9.6	2.0	1.7	29.5	22.7	18.2	18.7
Xây dựng cơ bản	-0.16	176,215	0.7	-0.1	1.9	81.6	5.7	4.1	0.4	0.4	6.2	34.8	5.3	5.6
Dịch vụ thương mại	0.00	4,482	0.8	0.4	-4.6	26.7	6.5	5.1	NA	NA	31.9	26.2	11.2	13.1
May mặc và trang sức	0.19	43,607	0.8	1.8	6.2	192.2	14.4	11.8	2.9	2.4	31.6	23.1	19.3	18.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,807	0.9	-1.6	-5.0	32.1	12.1	4.2	NA	NA	NA	NA	3.5	9.3
Dịch vụ tài chính	-0.27	59,400	0.3	-1.6	-0.4	140.5	10.0	4.8	0.3	NA	9.7	7.1	9.6	4.6
Năng lượng	-0.45	78,839	0.5	-2.0	-9.1	37.7	17.1	14.5	2.3	2.2	NA	17.9	14.2	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-4.75	513,987	-0.7	-3.3	-2.9	31.7	22.1	16.4	4.6	4.0	44.8	25.7	22.5	23.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	902	-0.1	-0.5	-2.7	51.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,869	0.7	-0.7	-6.0	2.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.37	49,281	0.0	-2.7	-3.1	22.1	22.1	18.7	1.8	1.7	11.5	18.0	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	3.27	418,053	2.6	3.1	9.8	168.8	12.3	12.1	1.9	1.2	41.0	4.4	18.7	16.6
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,858	1.5	-2.1	-10.0	-23.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.07	35,024	-0.8	0.1	16.8	134.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-5.44	1,215,878	0.5	0.8	-0.8	21.1	9.3	8.2	1.7	1.6	14.5	11.1	9.7	9.8
Bán lẻ	-0.76	75,683	-0.1	-1.2	12.0	70.2	31.0	25.9	3.2	2.8	26.3	34.8	14.3	14.9
Phần mềm và dịch vụ	-0.46	67,889	0.6	-3.5	8.3	71.0	12.4	9.9	2.9	2.5	34.5	25.2	25.0	25.2
Thiết bị và phần cứng	-0.03	4,795	0.1	-2.5	3.5	80.3	15.1	12.7	3.3	2.9	26.1	18.7	23.0	24.2
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,177	2.9	-2.2	-5.4	349.6	12.2	10.2	3.3	2.6	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-1.04	166,675	2.3	-3.3	0.0	287.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.53	245,354	-0.2	-2.2	-5.7	24.2	26.4	10.3	4.6	3.7	NA	67.2	-18.6	10.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index****Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm**

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	131,400	22.8	2,631,200	7.0
VPB VN	58,500	14.7	23,555,275	4.9
GVR VN	25,750	6.2	2,645,925	1.6
HPG VN	58,100	3.0	22,486,900	1.5
ACB VN	34,650	3.7	8,958,400	0.7
STB VN	23,900	6.5	49,798,775	0.7
VIB VN	55,600	4.3	1,141,375	0.7
TCB VN	41,000	1.2	10,889,325	0.5
LPB VN	21,500	7.0	15,674,925	0.4
VGC VN	36,200	8.1	890,525	0.3

Nguồn: Bloomberg

**Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm**

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	131,000	-5.3	1,965,150	-6.6
VHM VN	99,300	-5.4	6,023,400	-5.0
VCB VN	100,000	-3.8	1,957,450	-4.0
VNM VN	93,500	-6.0	4,930,450	-3.3
GAS VN	83,500	-2.9	779,875	-1.3
BID VN	41,000	-2.4	2,158,775	-1.1
MWG VN	140,900	-4.5	936,500	-0.8
VJC VN	124,900	-3.6	518,750	-0.6
MSN VN	98,000	-2.0	2,440,450	-0.6
CTG VN	40,800	-1.2	10,506,350	-0.5

**Disclaimers**

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.